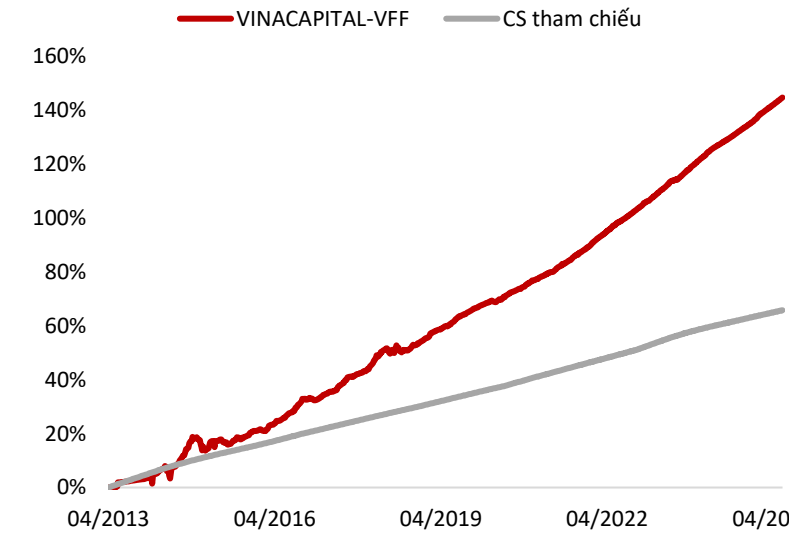


VINACAPITAL-VFF

Chiến lược đầu tư

- Đầu tư chủ yếu vào trái phiếu doanh nghiệp niêm yết của các doanh nghiệp có chất lượng tín dụng cao và dòng tiền ổn định; đạt điểm tín nhiệm cao theo hệ thống xếp hạng tín nhiệm nội bộ của VinaCapital.
- Kết hợp đa dạng hóa các ngành nghề trong danh mục đầu tư.
- Thận trọng cân đối giữa mức độ rủi ro và lợi nhuận để giảm thiểu rủi ro.

Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập



Số liệu thể hiện là kết quả đầu tư trong quá khứ, không đại diện cho kết quả đầu tư trong tương lai. Sẽ có biến động đối với vốn gốc và lợi nhuận đầu tư do đó NĐT có thể lời hoặc lỗ khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với số liệu được trích dẫn tại báo cáo này.

Hiệu suất đầu tư của quỹ VFF

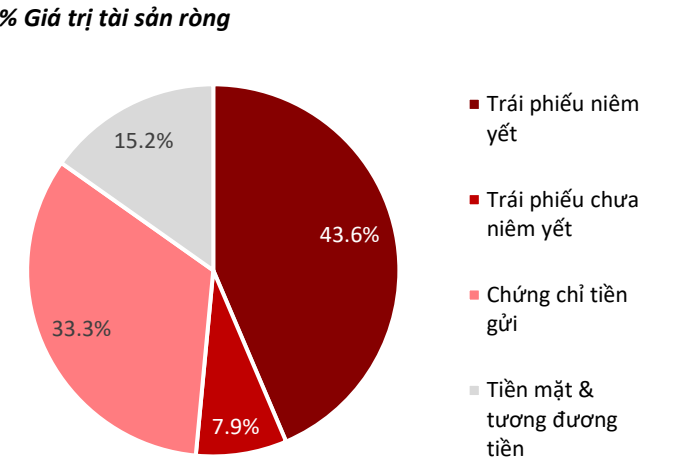
	VINACAPITAL-VFF	CSTC
Tổng tài sản (tỷ VNĐ)	1,498.7	
Giá trị tài sản ròng/CCQ (VNĐ)	24,476.6	
Lợi nhuận tháng 05/2025 (%)	0.6	0.4
Lợi nhuận từ đầu năm 2025 (%)	2.7	1.9
Lợi nhuận kép trung bình 3 năm (%/năm)	7.3	5.3
Lợi nhuận kép trung bình 5 năm (%/năm)	7.4	5.1
Lợi nhuận kép trung bình hằng năm từ khi thành lập (%/năm)	7.6	4.2
Lợi nhuận từ ngày thành lập (%)	144.8	65.8

* CSTC: Chỉ số tham chiếu
(Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý)

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: irwm@vinacapital.com

Tel: +84 28 38 27 85 35

Phân bổ tài sản



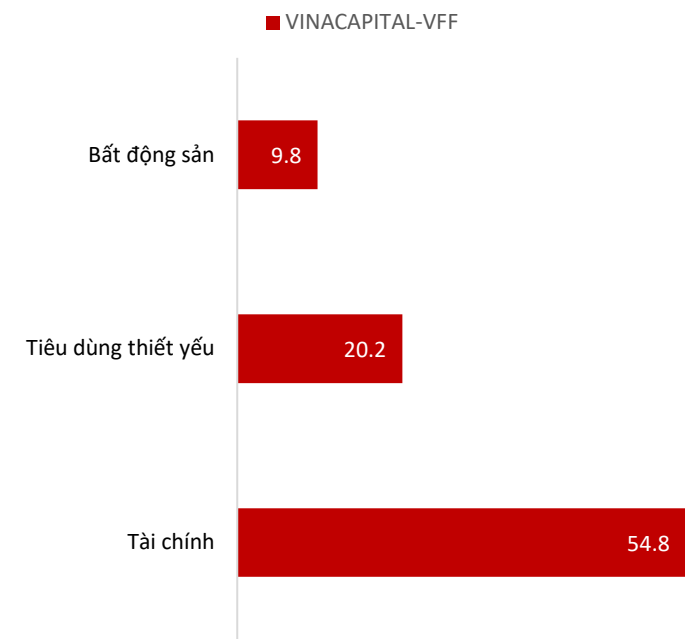
Thông tin quỹ

Ngày thành lập	1/4/2013
Phí quản lý	0.95%/năm
Phí phát hành	0.0%
Phí mua lại	2.0% < 12 tháng 0.5% >= 12 tháng 0.0% >= 24 tháng
Thuế thu nhập cá nhân	0.1%
Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
Công ty kiểm toán	PwC Việt Nam
Tần suất giao dịch	Thứ Ba và thứ Năm hằng tuần
Chỉ số tham chiếu (CSTC)	Bình quân lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 ngân hàng cổ phần thương mại nhà nước gồm Vietcombank, BIDV, VietinBank và Agribank.

Chỉ số danh mục đầu tư

Thời gian đáo hạn bình quân	1.0
Lợi suất khi đáo hạn (%)	7.3

Phân bổ theo ngành



Danh mục đầu tư lớn

Mã	Tên Tổ chức phát hành	Tỉ trọng (%)	Lợi suất (%)	Chu kỳ đáo hạn (năm)
MSN	Tập Đoàn Masan	9.8	8.2	2.3
TCBS	CTCP Chứng Khoán TCBS	8.8	6.9	0.4
HDB	Ngân Hàng HDB	8.5	7.2	4.5
MML	CTCP Masan Meatlife	6.3	8.0	1.1
BAF	CTCP Nông nghiệp BaF	3.7	6.2	0.2

Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VFF

Kinh tế vĩ mô của Việt Nam trong tháng 5 và năm tháng đầu năm 2025 chủ yếu bị ảnh hưởng bởi ba yếu tố:

- Chi tiêu cơ sở hạ tầng tăng mạnh. Theo Bộ Tài chính, chi tiêu cho cơ sở hạ tầng đã tăng vọt 39% so với cùng kỳ năm trước trong 5 tháng đầu 2025.
- Xuất khẩu sang Mỹ tăng ấn tượng 37% trong thời gian được gọi là “tạm hoãn” 90 ngày của Tổng thống Trump đối với thuế quan đối ứng.
- Du lịch Trung Quốc bùng nổ, với lượng khách đến tăng gần 50% so với cùng kỳ trong 5 tháng đầu năm 2025.

Do đó, chúng tôi dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam sẽ tăng tốc từ 6,9% cùng kỳ trong năm trước trong quý 1 lên khoảng 7,5% trong quý 2. Sự tăng tốc này chủ yếu được thúc đẩy bởi sự gia tăng xuất khẩu sang Mỹ và sự tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng, vì tăng trưởng lượng khách du lịch đã rất cao trong quý 1. Tuy nhiên, chúng tôi dự đoán tăng trưởng GDP sẽ giảm nhẹ trong nửa cuối năm, quay trở lại khoảng 7% khi sự gia tăng tạm thời trong xuất khẩu sang Mỹ suy giảm.

Trong khi đó, các yếu tố vĩ mô khác vẫn ổn định trong tháng 5. Cả lạm phát CPI và tỷ giá USD-VND đều ổn định trong tháng 5. Chỉ số CPI tăng nhẹ từ 3,1% so với cùng kỳ trong tháng 4 lên 3,2% trong tháng 5. Tương tự, mức giảm giá của đồng Việt Nam so với USD cũng nhích nhẹ từ 2,1% kể từ đầu năm vào cuối tháng 4 lên 2,2% vào cuối tháng 5.

Trong tháng 5/2025, tổng lượng Trái Phiếu Doanh Nghiệp phát hành mới đạt 67 nghìn tỷ đồng (+123% so với cùng kỳ), trong đó lĩnh vực ngân hàng và bất động sản nhà ở đóng góp lần lượt 72% và 11%. Đáng chú ý, Vingroup và công ty con Vinfast đã phát hành tổng cộng 14 nghìn tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ với lãi suất cố định 12,5%. Mức lãi suất trung bình cho các phát hành mới trong tháng của ngành ngân hàng khoảng 5.5%, trong khi nhóm ngoài ngân hàng ghi nhận mức lãi suất cao hơn đáng kể, khoảng 11,2%. Thời gian đáo hạn trung bình cho phát hành của ngân hàng là 4,1 năm, trong khi với nhóm ngoài ngân hàng là 3,2 năm.

Lợi nhuận hằng tháng

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	LN từ đầu năm
2023	0.7%	0.6%	0.7%	0.7%	0.8%	0.3%	0.5%	0.8%	0.7%	0.7%	0.7%	0.6%	8.0%
2024	0.7%	0.6%	0.5%	0.5%	0.5%	0.5%	0.5%	0.5%	0.5%	0.5%	0.6%	0.8%	6.9%
2025	0.5%	0.5%	0.5%	0.5%	0.6%								2.7%

Thông tin quan trọng
Những thông tin trên đây do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital (“Công ty”) soạn thảo và/hoặc có thể được cập nhật, sửa đổi, điều chỉnh và xác minh thêm mà không cần phải thông báo.
Thông tin trên không tạo thành và/hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc đề nghị mua hoặc đăng ký mua bất kỳ chứng khoán nào cũng như không tạo thành căn cứ hoặc liên quan đến hoặc coi như là sự dẫn dụ tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước tính và/hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ cập nhật và/hoặc chỉnh sửa nếu các tình huống có thay đổi.